TOÀ ÁN ND HUYỆN Y T	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH BẮC GIANG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/DS-ST

Ngày 30-10-2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y T - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Thạo.

Các hội thẩm nhân dân:

1.Ông Lục Viết Sang;

2.Bà Vũ Thị Thu Ngát.

- ***Thư ký phiên tòa :*** Bà Hoàng Thị Kim Oanh, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y T, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y T, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2018/TLST - DS ngày 23 tháng 7 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐST - DS ngày 03 tháng 10 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 48/2018/QĐST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ A - Chi nhánh B G do bà Phạm Thanh H - Nhân viên quản lý tín dụng của Ngân hàng đại diện theo Quyết định ủy quyền số 92/QĐ - BGG ngày 17 tháng 5 năm 2018 (Bà H có mặt).

Địa chỉ chi nhánh Ngân hàng: Số 569 đường L L, phường H Văn T, thành phố B G, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân K, sinh năm: 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ cơ quan công tác: C A huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Vũ Thị D, sinh năm: 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Phố T N, thị trấn B H, huyện Y T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2018, bản tự khai ngày 13 tháng 8 năm 2018, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa bà Phạm Thanh H đại diện của Ngân hàng TMCP Đ A, chi nhánh B G trình bày: Căn cứ vào giấy vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 12 tháng 3 năm 2014 và danh sách cho vay trả góp qua tài khoản thẻ đợt vay số 0094906601T14134 ngày 17 tháng 3 năm 2014 Ngân hàng TMCP Đ A chi nhánh B G cho anh Nguyễn Xuân K vay số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), lãi suất 9,5%/ 1 năm, thời hạn vay kể từ ngày 17 tháng 3 năm 2014 đến ngày 17 tháng 3 năm 2017, mục đích vay là vay tiêu dùng, phương thức thánh toán nợ vay trả góp hàng tháng nợ gốc và lãi. Trong thời gian vay vốn tại Ngân hàng anh Nguyễn Xuân K đã trả cho Ngân hàng 57.967.078đ (Năm mươi bẩy triệu chín trăm sáu mươi bẩy nghìn không trăm bẩy mươi tám đồng) tiền gốc và 19.950.000đ (Mười chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi là lãi suất trong hạn. Tính đến ngày 30 tháng 10 năm 2018 anh K còn nợ Ngân hàng 12.032.922đ (Mười hai triệu không trăm ba mươi hai nghìn chín trăm hai mươi hai đồng) tiền gốc. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh K phải trả số tiền gốc còn nợ là 12.032.922đ (Mười hai triệu không trăm ba mươi hai nghìn chín trăm hai mươi hai đồng) và lãi suất quá hạn anh K còn nợ tính từ ngày 18 tháng 3 năm 2017 đến ngày 30 tháng 10 năm 2018 là 2.749.754đ (Hai triệu bẩy trăm bốn mươi chín nghìn bẩy trăm năm mươi tư đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 9 năm 2018 anh Nguyễn Xuân K trình bày: Vào khoảng 3 năm trước anh ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng TMCP Đ A - Chi nhánh B G số tiền vay là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), thời hạn hợp đồng vay vốn là 03 năm nhưng anh không nhớ thời hạn thanh toán khoản vay cuối cùng là ngày nào, anh không biết còn nợ Ngân hàng bao nhiêu tiền. Ngân hàng TMCP Đ A, chi nhánh B G khởi kiện yêu cầu anh phải tiền cho Ngân hàng anh đồng ý trả số tiền anh còn nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng anh đã ký kết.

Tại bản tự khai ngày 27 tháng 9 năm 2018 chị Vũ Thị D trình bày: Chị là vợ anh Nguyễn Xuân K, việc anh K ký kết hợp đồng vay tiền tại Ngân hàng TMCP Đ A, chi nhánh B G vào ngày 17 tháng 3 năm 2014 số tiền 70.000.000đ (Bẩy mươi

triệu đồng) chị không được biết vì anh K vay tín chấp bằng lương của anh K, anh K cũng không sử dụng số tiền vay vào mục đích chung của vợ chồng chị nên anh K phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, chị không đồng ý trả nợ chung với anh K.

Tại phiên tòa chị Phạm Thanh H đại diện Ngân hàng TMCP Đ A, chi nhánh B G không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện; anh Nguyễn Xuân K đã được triệu tập hai lần hợp lệ nhưng vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y T phát biểu ý kiến, đề nghị:

Áp dụng Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Áp dụng Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi năm 2017. Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ A - Chi nhánh B G buộc anh Nguyễn Xuân K phải trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 17/5/2018 là 16.002.346 đồng và lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn từ ngày 17/5/2018.

Anh Nguyễn Xuân K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Xuân K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, chị Vũ Thị D vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K và chị Dung theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 17 tháng 3 năm 2014 Ngân hàng TMCP Đ A, chi nhánh B G cho anh Nguyễn Xuân K vay số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) giải ngân vào tài khoản thẻ đợt vay số 0094906601T14134, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 17 tháng 3 năm 2014 đến ngày 17 tháng 3 năm 2017, lãi suất 9,5%/ năm. Anh K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 57.967.078đ (Năm mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi tám đồng) và trả tiền lãi của khoản vay đến hết ngày 17 tháng 3 năm 2017 là 19.950.000đ (Mười chín triệu chín trăm năm mươi nghìn

đồng). Bản thân anh K cũng thừa nhận có vay Ngân hàng TMCP Đ A, chi nhánh B G số tiền 70.000.000đ (Bẩy mươi triệu đồng) tiền gốc đến nay chưa thanh toán hết nợ cho Ngân hàng, anh K không chứng minh được anh K còn nợ Ngân hàng bao nhiêu tiền, anh K đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng . Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ A, chi nhánh B G là có căn cứ, được anh Nguyễn Xuân K đồng ý nên cần buộc anh Nguyễn Xuân K phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ A, chi nhánh B G số tiền gốc còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 12.032.922đ (Mười hai triệu không trăm ba mươi hai nghìn chín trăm hai mươi hai đồng) anh K phải trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết.

[3] Tiền lãi anh K phải trả được tính từ ngày 17 tháng 3 năm 2017 đến ngày 30 tháng 10 năm 2018 theo lãi suất 14,25%/ năm là 6.975.513đ (Sáu triệu chín trăm bẩy mươi lăm nghìn năm trăm mười ba đồng) trừ đi số tiền lãi anh K đã thanh toán cho Ngân hàng là 4.225.759đ (Bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn bẩy trăm năm mươi chín đồng). Số tiền lãi anh K còn phải trả cho Ngân hàng là 2.749.754đ (Hai triệu bẩy trăm bốn mươi chín nghìn bẩy trăm năm mươi tư đồng) (Tiền lãi anh K phải trả cho Ngân hàng có bảng tính lãi suất kèm theo bản án). Anh K tiếp tục phải trả lãi suất theo hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2018 cho đến khi thực trả hết nợ.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Xuân K phải chịu tiền án phí đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ A, chi nhánh B G được chấp nhận.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi năm 2017; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Buộc anh Nguyễn Xuân K phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ A - Chi nhánh B G 12.032.922đ (Mười hai triệu không trăm ba mươi hai nghìn chín trăm hai mươi hai đồng) tiền gốc và 2.749.754đ (Hai triệu bẩy trăm bốn mươi chín nghìn bẩy trăm năm mươi tư đồng) tiền lãi. Buộc anh Nguyễn Xuân K tiếp tục phải chịu lãi suất theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng TMCP Đ A, chi nhánh B G cho đến khi thực trả hết nợ

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y T;
- Chi cục THADS huyện Y T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thạo